

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST

Ngày 30 -5-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Ông Nguyễn Duy Tuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H; cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Đ; cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức Đ chung sống với nhau do tự nguyện và có được gia đình hai bên nội, ngoại tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống của địa phương từ năm 2005. Đến năm 2007, chị và anh

Nguyễn Đức Đ mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A. Sau khi cưới, chị và anh Nguyễn Đức Đ chung sống cùng nhau tại thôn Đ, xã Đ. Quá trình chung sống, hai bên hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hoà giải nhưng không có kết quả mà trái lại ngày càng căng thẳng, trầm trọng, không còn khả năng khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 4 năm 2017, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở cùng thôn sống ly thân với anh Nguyễn Đức Đ; từ đó đến nay cả hai không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay chị Phạm Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thị C– sinh ngày 17 tháng 01 năm 2005 và Nguyễn Đức H1– sinh ngày 28 tháng 02 năm 2008. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; chị không yêu cầu anh Được phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản: Vợ chồng tự phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Đức Đ: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Đức Đ đã được Tòa án nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh Được đến Tòa án giải quyết việc chị Phạm Thị H xin ly hôn nhưng anh Nguyễn Đức Đ đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần không có lý do nên đã vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đức Đ; về con chung, căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao các con chung Nguyễn Thị C– sinh ngày 17 tháng 01 năm 2005 và Nguyễn Đức H1– sinh ngày 28 tháng 02 năm 2008 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 31 tháng 5 năm 2018 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn:

[1] Bị đơn, anh Nguyễn Đức Đ đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng anh Nguyễn Đức Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Đức Đ.

- Về quan hệ hôn nhân:

[2] Căn cứ lời khai của các bên đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Đức Đ chung sống với nhau do tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống của địa phương từ năm 2005; đến năm 2007 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Bản. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xảy ra va chạm cãi, chửi nhau; vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Đức Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đức Đ.

- Về con chung:

[3] Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Đức Đ có hai con chung có 02 con chung Nguyễn Thị C– sinh ngày 17 tháng 01 năm 2005 và Nguyễn Đức H1– sinh ngày 28 tháng 02 năm 2008. Ly hôn chị Phạm Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung; anh Nguyễn Đức Đ vắng mặt, không có quan điểm về việc nuôi con chung. Xét thấy việc nuôi con vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo cho con chung được nuôi dạy trong điều kiện tốt nhất; điều kiện nuôi con của chị H tốt hơn nên cần giao các con chung cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Chị Phạm Thị H không yêu cầu anh Được phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên việc cấp dưỡng do các bên đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu các bên đương sự có tranh chấp về việc nuôi con hoặc về mức cấp dưỡng nuôi con, Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 31 tháng 5 năm 2018 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản:

[6] Do đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

[7] Chị Phạm Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đức Đ.

2. Về con chung: Xử giao các con chung Nguyễn Thị C— sinh ngày 17 tháng 01 năm 2005 và Nguyễn Đức H1— sinh ngày 28 tháng 02 năm 2008 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con do các bên đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 31 tháng 5 năm 2018 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Chị Phạm Thị H đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0007499 ngày 07 tháng 02 năm 2018) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- UBND xã Đ;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch